TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HOÁ** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 183/2023/QĐST-HNGĐ	*Chiêm Hoá, ngày 20 tháng 11 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 280/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị Huyền T, sinh năm 1989. Địa chỉ: T6, phường TH, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- **Bị đơn:** Anh Trần Bùi T1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ VQ, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị Huyền T và anh Trần Bùi T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Chị Bùi Thị Huyền T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Bùi Bảo T2, sinh ngày 31/5/2016 và Trần Bùi Bảo C, sinh ngày 05/12/2020. Anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung sau ly hôn là 5.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng). Phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, vào ngày 25 hàng

tháng. Thời gian cấp dưỡng từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T2, cháu C đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Trần Bùi T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

" Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị Huyền T và anh Trần Bùi T1 đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Thị Huyền T có nghĩa vụ chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000743954 ngày 26/10/2023 của Đơn vị trung gian thanh toán Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001468, ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Trả lại cho chị Bùi Thị Huyền T 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Anh Trần Bùi T1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Anh Trần Bùi T1 có nghĩa vụ chịu tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND TTVL (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh